

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 02

- Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cửa Đạt, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
- Ngày quan trắc:** 27 – 28/02/2025 **Ngày cung cấp TT:** 29/02/2025
- Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	3	TL. cầu máng Phùng Giáo (Sông Âm)	Cống mở.
2	4	TL. cống điều tiết Kiên Thọ	Cống mở.
3	5	TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng	Cống mở.
4	6	TL. Cống xả Mực Sơn	Cống mở.
5	7	TL. đập điều tiết Bàn Thạch	Cống mở.
6	8	TL. đập điều tiết Bột Thượng	Cống mở.
7	9	TL. xi phông Bình Trị	Cống mở.
8	10	TL. đập điều tiết Phong Lạc	Cống mở.
9	11	TL. đập điều tiết Quy Xá	Cống mở.
10	12	TL. đập điều tiết Lộc Giang	Cống mở.
11	13	TL. Xiphông Mật Sơn	Cống mở.
12	14	TL. đập điều tiết Chợ Nhàng	Cống đóng.
13	15	TL. đập điều tiết Quảng Minh	Cống đóng.
14	16	TL. đập điều tiết Đại Lý	Cống mở nhỏ.

15	17	TL. đập điều tiết Đồng Lạc	Công mở.
16	18	TL. xiphông sông Lý	Công mở nhỏ.
17	19	TL. công điều tiết Phúc Như	Công mở.
18	21	TL. đập điều tiết Phương Khê	Công mở.
19	22	TL. đập điều tiết Cô Định	Công mở nhỏ.
20	23	TL. Xi phông Nguyễn Thôn	Công mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV Sông Chu, Ban Quản lý và ĐTXD Thủy lợi 3, Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Thượng lưu hồ Cửa Đạt, Vị trí nuôi cá lồng, TL. cầu máng Phùng Giáo (Sông Âm), TL. công điều tiết Kiên Thọ, TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng, Công xã Mực Sơn, TL. đập điều tiết Bàn Thạch, TL. đập điều tiết Bột Thượng, TL. xi phông Bình Trị, TL. đập điều tiết Phong Lạc, TL. đập điều tiết Quy Xá, TL. đập điều tiết Lộc Giang, TL. Xi phông Mật Sơn, TL. đập điều tiết Đồng Lạc, TL. xi phông sông Lý, TL. công điều tiết Phúc Như, TL. Xi phông Đô Xá, TL. đập điều tiết Phương Khê, TL. đập điều tiết Cổ Định.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên. TL. đập điều tiết Chợ Nhàng, TL. đập điều tiết Đại Lý, TL. Xi phông Nhuyễn Thôn.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên. TL. đập điều tiết Quảng Minh.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ Cửa Đạt	Đánh giá chất lượng nước hồ Cửa Đạt trước khi đưa về hạ lưu sông Chu tới Bái Thượng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 95%, gió ĐB 6 km/h. Không có dòng chảy. Nước qua thủy điện Cửa Đạt về hạ lưu sông Chu. Nước màu xanh trong.	7.1	2.5	6.5	0.1	0.132	0.484	78	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
2	Vị trí nuôi cá lồng	Đánh giá chất lượng nước hồ Cửa Đạt tại vị trí nuôi cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 95%, gió ĐB 6 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu xanh, mùi tanh.	7.15	5.4	6.4	0.1	0.163	0.612	82	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
3	TL. cầu	Đánh giá	Trời nhiều mây,	7.2	2.7	7.56	0.1	0.078	0.270	71	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	máng Phụng Giáo (Sông Âm)	CLN thượng lưu kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã sau khi lấy nước qua thủy điện Dốc Cáy.	nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 93%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy nhanh, cống mở thoáng. Nước màu xanh trong.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
4	TL. cống điều tiết Kiên Thọ	Đánh giá chất lượng nước trên kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã trước khi phân thành 2 nhánh kênh Nam và	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh trong.	7.3	3	7.45	0.1	0.085	0.297	73	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		kênh tưới cho vùng Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã.									
5	TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng	Đánh giá CLN sông Chu trước khi lấy nước vào hệ thống Bái Thượng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 95%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.	7.25	3.2	7.1	0.1	0.093	0.340	75	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
6	Cống xả Mục Sơn	Đánh giá CLN kênh chính sau khi từ Bái Thượng về chảy qua	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy trung	6.95	4.5	7.15	0.1	0.117	0.371	78	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		khu vực Bái Thượng và TT Mục Sơn để xả về tưới cho vùng đồng bằng bên hữu kênh chính.	binh, công mờ. Nước màu xanh trong.								
7	TL. đập điều tiết Bàn Thạch	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính khi đã chảy qua các khu dân cư sinh sống xung quanh và trước khi kênh chính phân thành kênh chính	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 87%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy trung bình, công mờ, mực nước cao. Nước màu xanh trong, có rác nổi trên kênh.	7.02	4.2	7.3	0.1	0.132	0.473	80	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Nam và kênh chính Bắc.									
8	TL. đập điều tiết Bọt Thượng	Đánh giá CLN thượng lưu kênh tưới C6.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.	7.1	5.1	7.35	0.1	0.155	0.563	76	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
9	TL. xi phông Bình Trị	Đánh giá CLN hạ lưu kênh tưới C6.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 95%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.	6.9	9.2	6.25	0.1	0.280	0.765	95	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
10	TL. đập điều tiết Phong Lạc	Đánh giá CLN thượng lưu kênh chính Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 85%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.	6.97	8.5	6.1	0.1	0.210	0.698	90	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
11	TL. đập điều tiết Quy Xá	Đánh giá CLN đoạn trung lưu kênh chính Bắc trước khi kênh chính Bắc chảy qua huyện Đông Sơn và thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 90%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong. Có nhiều rác, cò nước dồn lại ở thượng lưu cống.	7.15	6.1	7.05	0.1	0.171	0.608	82	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị		
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6				
			QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5				
			QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4				
			QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2				
12	TL. đập điều tiết Lọc Giang	Đánh giá CLN kênh chính Bắc tại khu vực dân cư phát triển như thị trấn Nhồi huyện Đông Sơn trước khi kênh chính Bắc chảy vào thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 90%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy rất chậm, cống mở, mực nước thấp. Nước màu xanh trong.	7.05	10.5	6.45	0.1	0.194	0.450	85	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.	
13	TL. Xiphông Mật Sơn	Đánh giá CLN kênh chính Bắc tại thành phố Thanh Hóa và đánh giá	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 90%, gió ĐB 8 km/h. Không có dòng chảy, cống mở,	7.2	15.1	6.3	0.1	0.249	0.923	89	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		CLN đầu vào cấp nước cho NMN Mật Sơn.	mực nước thấp. Nước màu vàng nhạt. Thượng lưu kênh đang chặn nước để làm mô cầu vượt trên cao nên không có nước chảy xuống hạ lưu.								
14	TL. đập điều tiết Chợ Nhàng	Đánh giá CLN kênh chính Bắc sau khi chảy qua thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 85%, gió ĐB 8 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước thấp. Nước màu xanh lục. Có nhiều rác trên kênh.	6.92	12	5.45	0.1	0.272	0.675	105	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
15	TL. đập điều tiết	Đánh giá CLN hạ lưu	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ	6.96	13.4	4.7	0.1	0.326	0.788	135	Chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Quảng Minh	kênh chính Bắc.	<p>âm 86%, mật độ mây 90%, gió ĐB 8 km/h.</p> <p>Không có dòng chảy. Cổng đóng. Có nhiều rác ở trên kênh. Nước màu xanh lục.</p>								trường DO không đạt mức B.
16	TL. đập điều tiết Đại Lý	Đánh giá CLN kênh tưới B9 là nhánh của kênh Bắc.	<p>Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 85%, gió TB 5 km/h.</p> <p>Dòng chảy chậm, cổng mở nhỏ, mực nước thấp. Có nhiều rác thải trên kênh. Nước màu xanh lục.</p>	7.1	11.5	5.1	0.1	0.311	0.720	124	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
17	TL. đập điều tiết	Đánh giá CLN kênh	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ	7	9	6.4	0.1	0.155	0.416	92	Các chỉ tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Đồng Lạc	tươi B10 là nhánh của kênh Bắc.	âm 84%, mật độ mây 87%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở, mực nước thấp. Nước màu xanh trong. Có nhiều rác ở dưới kênh.								hiện trường pH, DO đạt mức A.
18	TL. xiphông sông Lý	Đánh giá CLN kênh tươi B22 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 85%, gió TB 5 km/h. Dòng chảy rất chậm, mực nước thấp, công mở nhỏ. Nước màu xanh.	7.12	7.2	6.8	0.1	0.186	0.428	81	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
19	TL. công điều tiết	Đánh giá CLN	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ	7.2	5.6	7.02	0.1	0.124	0.371	78	Các chỉ tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Phúc Như	thượng lưu kênh chính Nam.	âm 83%, mật độ mây 87%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh trong. Có rác nổi trên kênh.								hiện trường pH, DO đạt mức A.
20	TL. Xi phong Đô Xá	Đánh giá CLN kênh chính Nam trước khi đi qua xi phong Đô Xá.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 18°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 90%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy trung bình. Có cò nước ở dưới kênh. Nước màu xanh trong.	7.4	4.7	6.9	0.1	0.140	0.326	82	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
21	TL. đập điều tiết Phương	Đánh giá CLN kênh chính Nam	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ ẩm 94%, mật độ	7.3	5	6.7	0.1	0.155	0.383	85	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Khê	trước khi qua điều tiết Phương Khê.	mây 90%, gió TB 2 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong. Có rác trôi trên kênh.								pH, DO đạt mức A.
22	TL. đập điều tiết Cổ Định	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính Nam	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 85%, gió TB 5 km/h. Không chảy chậm, cống mở nhỏ. Dưới kênh có nhiều rác thải. Nước màu xanh.	7.15	4.2	6.45	0.1	0.179	0.473	84	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
23	TL. Xi phông Nhuyễn	Đánh giá CLN kênh tưới N8 là	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 17°C, độ ẩm 90%, mật độ	6.95	6.5	5.95	0.1	0.210	0.572	93	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Thôn	nhánh của kênh Nam.	mây 85%, gió TB 5 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở. Nước màu xanh. Có nhiều rác thải dồn ứ ở thượng lưu xi phông								pH, DO đạt mức B.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Sông Chu;
- Ban QL và ĐTXD Thủy lợi 3;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Đào Ngọc Tuấn